

Hà Nội, ngày 7 tháng 12 năm 2022

**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
DINH DƯỠNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

- Tên ngành đào tạo: Dinh dưỡng
- Mã số: 8720401
- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y tế công cộng
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo

Tên trường: Trường Đại học Y tế công cộng

(Hanoi University of Public Health)

Địa chỉ: 1A Đức Thắng, Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 6266 2299

Quyết định thành lập: số 65/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001

Cơ quan cấp: Thủ tướng Chính phủ

Trường Đại học Y tế công cộng (ĐH YTCC) có lịch sử 74 năm hình thành và phát triển, tiền thân là trường Y sĩ Việt Nam được thành lập ngày 20/5/1948. Từ đó đến nay Trường đã có nhiều lần thay đổi tên gọi cùng với sự thay đổi và đi lên của đất nước. Năm 1976, Trường Cán bộ Quản lý Y tế được thành lập với nhiệm vụ quan trọng là đào tạo cán bộ quản lý ngành y tế ở các cấp khác nhau trong hệ thống y tế ở Việt Nam. Tháng 4 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 65/2001/QĐ-TTg thành lập trường ĐH YTCC trên cơ sở trường Cán bộ quản lý Y tế.

Tháng 10/2016, được sự cho phép của Chính phủ, với sự hỗ trợ của Tổ chức từ thiện Đại Tây Dương (Atlantic Philanthropies - AP), nhà trường đã chuyển về cơ sở mới tại địa chỉ số 1A, đường Đức Thắng, Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với tổng diện tích mặt bằng hơn 5,7 héc ta. Đây là cơ sở đào tạo khang trang, hiện đại và qui mô nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ của Nhà trường. Hiện tại, Trường có 6 phòng chức năng, 1 Trung tâm Đảm bảo chất lượng – Khảo thí, 1 Trung tâm thông tin – thư viện, 05 khoa, 01 Viện Đào tạo, 3 Trung tâm nghiên cứu, 1 Trung tâm xét nghiệm, 01 phòng khám đa khoa (trong tương lai gần sẽ nâng cấp thành bệnh viện

đa khoa) với hơn 200 cán bộ và giảng viên phần lớn được đào tạo ở nước ngoài. Với đội ngũ cán bộ có năng lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

Đối với hoạt động đào tạo: Tháng 7 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 6120/QĐ-BGD&ĐT/ĐH cho phép Trường ĐH YTCC đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Y tế công cộng (YTCC). Từ đó đến nay, đối với bậc đại học, nhà trường đã tổ chức đào tạo 7 ngành cử nhân gồm: y tế công cộng, dinh dưỡng, công tác xã hội, kỹ thuật xét nghiệm y học, kỹ thuật phục hồi chức năng, công nghệ kỹ thuật môi trường và khoa học dữ liệu. Ở trình độ sau đại học, Trường đã tham gia đào tạo đầy đủ các bậc học từ thạc sĩ (ThS), tiến sĩ (TS) và chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II. Đối với ThS, từ năm 1997, nhà trường tổ chức đào tạo chương trình ThS YTCC, năm 2008, Trường tham gia đào tạo thêm chương trình ThS quản lý bệnh viện (QLBV) và năm 2019 chính thức đào tạo thêm ngành ThS Kỹ thuật xét nghiệm y học. Năm 2005, Trường được phép đào tạo chương trình TS YTCC và năm 2016, Trường là cơ sở đầu tiên và duy nhất tính đến thời điểm hiện tại đào tạo chương trình TS QLBV. Đối với chương trình chuyên khoa, Trường tổ chức đào tạo Chuyên khoa cấp I YTCC từ những năm 1976 và được phép đào tạo chương trình chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế từ năm 2015. Các chương trình đào tạo sau đại học của Trường đều tham khảo từ các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới và khu vực. Các chương trình đào tạo sau đại học của Trường đã cũng cấp một số lượng lớn cán bộ quản lý có trình độ cao cho hệ thống các đơn vị quản lý nhà nước của ngành y tế, các cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng trong hệ thống y tế của cả nước. Bên cạnh đó, Trường còn là một trong 2 đơn vị trên cả nước được Bộ Y tế giao nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành Y tế, nhằm cập nhật các kiến thức và kỹ năng cho cán bộ của ngành.

Xác định tầm nhìn trở thành một trường đại học với vị thế là một trong các đơn vị hàng đầu từ chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu phục vụ cộng đồng được quốc tế công nhận; trong những năm qua, Trường ĐH YTCC đã không ngừng đẩy mạnh hợp tác đào tạo với các trường đại học trên thế giới để tạo cơ hội trải nghiệm học tập quốc tế cho giảng viên và sinh viên của nhà trường. Trường cũng đón nhận nhiều sinh viên quốc tế đến học tập, thực tập và giao lưu tại trường. Trường ĐH YTCC đã chính thức là thành viên của hệ thống đào tạo sức khỏe quốc tế của Châu Âu (TropEd) từ tháng 5/2008. Bên cạnh đó trường đã và đang trao đổi sinh viên với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới như Tulane, Emory, Berkely, Johns Hopkins, Mỹ; Queensland University of Technology, Deakin, Úc, Upsala (Thụy Điển) và nhiều trường khác.

Trường đã có 3 chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn chất lượng các trường đại học Đông Nam Á (AUN) gồm Cử nhân YTCC (năm 2018), ThS YTCC

(năm 2016) và ThS QLBV (năm 2017). Trường cũng đã kiểm định chất lượng giáo dục năm 2017 với 86,88% các tiêu chí đạt yêu cầu, Trường tổ chức đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 vào tháng 10/2022 và tiếp tục kiểm định lần 1 chương trình cử nhân dinh dưỡng, công tác xã hội và kiểm định lần 2 chương trình cử nhân y tế công cộng vào năm 2023.

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học: Với quan điểm nghiên cứu khoa học là xương sống cho công tác đào tạo và tư vấn, cũng là phương tiện cho việc hình thành và phát triển mạng lưới, Trường ĐH YTCC đã tích cực liên kết, triển khai nghiên cứu cùng với các mạng lưới y tế trong nước và quốc tế. Theo hệ thống xếp hạng các Trường Đại học Việt Nam (UPM), giai đoạn 2015-2019, Trường ĐHYTCC xếp thứ hai trong hệ thống các trường Đại học của Việt nam về số lượng bài báo quốc tế/ giảng viên và đứng thứ 6 về năng lực nghiên cứu; năm 2019 đứng thứ 6 về chỉ số H-index các cơ sở đào tạo và nghiên cứu Y Dược. Các đề tài nghiên cứu khoa học cũng như các xuất bản của Trường đã đóng góp tích cực trong việc ra quyết định và xây dựng chính sách trong lĩnh vực y tế công cộng nói riêng và chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung.

Đối với cung cấp dịch vụ: Trường có Phòng khám đa khoa (PKĐK) (trong tương lai gần sẽ nâng cấp thành bệnh viện đa khoa) và Trung tâm xét nghiệm (TTXN) vừa là cơ sở thực hành của người học, vừa là đơn vị cung cấp dịch vụ của Trường. PKĐK cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn và các vùng lân cận. TTXN cung cấp các dịch vụ xét nghiệm nước, môi trường, thực phẩm và năm 2020 đã được Bộ Y tế công nhận là đơn vị xét nghiệm khẳng định SARV-COVY 2, trong thời gian qua Trung tâm đã tham gia xét nghiệm phục vụ nhiều sự kiện quan trọng của đất nước.

Với những nỗ lực không ngừng trong thời gian qua, Trường đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và Bộ Y tế trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như danh hiệu Huân chương độc lập hạng Ba, Huân chương lao động hạng Nhất, Huân chương lao động hạng Nhì, Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ, Cờ thi đua của Chính Phủ, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế trong nhiều năm. Bên cạnh đó nhiều cá nhân được tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và các phần thưởng vinh dự khác.

Đối với ngành Dinh dưỡng, Năm 2016, Trường ĐH YTCC được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo chương trình Cử nhân dinh dưỡng theo Quyết định số 4637/QĐ-BGDĐT ngày 18/10/2016. Tính đến tháng 10 năm 2022, trường đã tuyển sinh được 6 khóa cử nhân chính qui (CNCQ) với tổng số 413 sinh viên và 2 khóa vừa làm vừa học (VLVH) (với 29 sinh viên khoá 1, đang trong giai đoạn tuyển sinh khóa 2VLVH), trong đó có 85 sinh viên đã tốt nghiệp. Chương trình đào tạo đã cung cấp cho ngành y tế đội ngũ cán bộ dinh dưỡng có chất lượng

đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng theo thông tư số 20/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7 tháng 10 năm 2015. Tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 94,6%, một số đã được tuyển dụng vào Khoa Dinh dưỡng của các Bệnh viện lớn như Bệnh viện 103, Bệnh viện E, một số cơ sở y tế công lập, tư nhân các công ty thực phẩm lớn,...

2. Lý do cần mở ngành Dinh dưỡng trình độ Thạc sĩ:

2.1. Thực trạng và nhu cầu nhân lực dinh dưỡng trình độ Thạc sĩ ở Việt Nam

Trong xã hội hiện đại, dinh dưỡng là một trong những ngành khoa học quan trọng góp phần phòng ngừa bệnh tật, nâng cao hiệu quả điều trị và cải thiện chất lượng cuộc sống. Phát triển nguồn nhân lực là ưu tiên hàng đầu nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách và chương trình về dinh dưỡng. Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045, do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 5/1/2022 đã đề cập đến mục tiêu và giải pháp “*Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện công tác dinh dưỡng, bao gồm: Đào tạo cán bộ y tế tại các trường trước khi hành nghề; Đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo về dinh dưỡng trong trường y; Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về dinh dưỡng bậc đại học và sau đại học (chuyên khoa, thạc sĩ, tiến sĩ)*”. Thông tư liên tịch Bộ Y tế - Bộ Nội vụ số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức dinh dưỡng quy định rõ viên chức dinh dưỡng hạng II phải Tốt nghiệp chuyên khoa cấp 1 hoặc thạc sĩ trở lên chuyên ngành dinh dưỡng.

Theo báo cáo đào tạo nguồn lực dinh dưỡng 10 năm từ 2011-2020 của Viện Dinh dưỡng¹ cho thấy, sau 10 năm triển khai thực hiện Chiến lược, chúng ta đã đạt được các kết quả nhất định ở các chỉ tiêu của Mục tiêu liên quan đến đào tạo nhân lực. Đã có rất nhiều các chính sách và quy định về dinh dưỡng trong thời gian qua ở cả các cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở y tế dự phòng, thể hiện sự cần thiết của hoạt động dinh dưỡng trong hệ thống y tế tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhân lực về dinh dưỡng chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và trình độ. Theo báo cáo năm 2017 thu thập từ 616 bệnh viện của Cục Quản lý Khám chữa bệnh (gồm 26 bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và 590 bệnh viện Tỉnh và huyện trực thuộc 40 Sở Y tế), đánh giá theo tiêu chí chất lượng bệnh viện, toàn quốc vẫn còn 28,2% bệnh viện chưa có khoa/tổ dinh dưỡng tiết chế và không có nhân viên được đào tạo về dinh dưỡng, tỷ lệ này cao nhất là bệnh viện ở Bộ ngành và ngoài công lập (tương ứng là 54,2% và 36,1%). Về

¹ Viện Dinh dưỡng (2021), Báo cáo tình hình dinh dưỡng, chiến lược can thiệp 2011-2020 và định hướng 2021-2030, Nhà xuất bản Dân trí, trang 183-197.

trình độ, tổng số nhân lực làm công tác dinh dưỡng của các bệnh viện gửi báo cáo là 2865 cán bộ, tỷ lệ cán bộ có trình độ Đại học và Sau đại học chung cho các BV mới chỉ đạt là 29,3% (trong đó, bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có 26%; các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế chỉ có 29,7% cán bộ có trình độ đại học và sau đại học); vẫn còn 21,1% Trưởng khoa Dinh dưỡng có trình độ dưới quy định; tỷ lệ nhân viên có trình độ ĐH là 25,3% và SĐH là 10,4%². Về trình độ chuyên môn của cán bộ làm việc tại Khoa dinh dưỡng của các bệnh viện được đào tạo đúng về dinh dưỡng chưa được thống kê đầy đủ. Theo báo cáo của Cục Quản lý Khám chữa bệnh năm 2020, trong số 1716 cán bộ làm công tác chuyên môn tại các Khoa dinh dưỡng của 591 bệnh viện trên toàn quốc báo cáo cho thấy, tỷ lệ cán bộ chuyên môn có trình độ SĐH đúng chuyên ngành dinh dưỡng (TS, ThS, CKI và CKII) rất thấp, chỉ chiếm 2,5%; trình độ đại học đúng chuyên ngành là 17,7%³.

Đối với khối dự phòng, theo quy định thì các Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa bệnh tật tuyến tỉnh (CDC) phải có Khoa Dinh dưỡng hoặc đơn vị thực hiện công tác dinh dưỡng. Báo cáo của Viện Dinh dưỡng cho thấy, 51/63 CDC tỉnh có hoạt động Dinh dưỡng do Khoa Dinh dưỡng phụ trách (chiếm 80,9%); các tỉnh còn lại hoạt động dinh dưỡng do Khoa Kiểm soát Bệnh không lây nhiễm - Dinh dưỡng phụ trách hoặc gắn với các Khoa khác. Có 7/63 tỉnh có từ 2 – 4 cán bộ phụ trách hoạt động dinh dưỡng, 47/63 tỉnh có 5 – 10 cán bộ trong khoa Dinh dưỡng, 14,3% số tỉnh có trên 10 cán bộ thuộc khoa Dinh dưỡng⁴, tuy nhiên chưa có số liệu thống kê đầy đủ về trình độ chuyên môn của nhân lực làm việc tại khoa này. Như vậy nhu cầu nhân lực về dinh dưỡng làm việc trong khối dự phòng là khá lớn.

Với tổng số cán bộ và trình độ đào tạo hiện tại ở cả ở khối khám chữa bệnh và khối dự phòng, có 12/63 tỉnh tương đương 19% số tỉnh đáp ứng công việc ở mức dưới 50%, 47,6% số các tỉnh có số lượng và chất lượng nhân lực đáp ứng công việc ở mức 50 – 70%, số các tỉnh có số lượng và chất lượng nhân lực đáp ứng công việc ở mức trên 70% chiếm 33,4%⁵.

Theo số liệu đánh giá nhanh của Trường ĐH YTCC triển khai năm 2022 về nhu cầu tuyển dụng nhân lực có trình độ ThS dinh dưỡng của 37 nhà tuyển dụng (gồm lãnh đạo Sở Y tế, CDC tuyến tỉnh, BV tuyến Trung ương và tuyến tỉnh) cho thấy mỗi Khoa Dinh dưỡng của CDC và BV tuyến tỉnh có nhu cầu tuyển dụng từ 1-

² Cục Quản lý Khám chữa bệnh, Bộ Y tế (2017), *Thực trạng công tác dinh dưỡng trong các Bệnh viện năm 2017*.

³ Cục Quản lý Khám chữa bệnh, Bộ Y tế (2020), *Thống kê nhân lực làm dinh dưỡng tại các bệnh viện*

⁴ Viện Dinh dưỡng (2021), *Báo cáo tình hình dinh dưỡng, chiến lược can thiệp 2011-2020 và định hướng 2021-2030*, Nhà xuất bản Dân trí, trang 183-197

⁵ Viện Dinh dưỡng (2021), *Báo cáo tình hình dinh dưỡng, chiến lược can thiệp 2011-2020 và định hướng 2021-2030*, Nhà xuất bản Dân trí, trang 183-197.

2 ThS dinh dưỡng, mỗi Sở Y tế có nhu cầu trung bình khoảng 10 ThS dinh dưỡng để phân bổ cho các đơn vị y tế trong tỉnh. Cá biệt ở các thành phố lớn như Hà Nội, nhu cầu ThS dinh dưỡng là 20 người và TP Hồ Chí Minh nhu cầu là 200 người⁶.

2.2. Thực trạng đào tạo dài hạn chuyên ngành dinh dưỡng ở Việt Nam

Đã có một thời gian dài từ năm 1982 đến 2013, ở Việt Nam không có trường đại học nào đào tạo cán bộ có trình độ cử nhân, bác sĩ về dinh dưỡng. Một số cán bộ đã được đào tạo bác sĩ dinh dưỡng lại chuyển sang các chuyên khoa khác do đơn vị dinh dưỡng thời điểm đó chưa được quan tâm, số cán bộ được đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ dinh dưỡng còn rất ít.

Mặc dù đã đạt các thành tựu nhất định trong công tác chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, tuy nhiên Việt Nam vẫn còn đối mặt với “gánh nặng kép” về dinh dưỡng, trong đó một bên là các vấn đề thiếu dinh dưỡng vẫn còn ở các vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu vùng xa, và một bên là các vấn đề liên quan đến thừa dinh dưỡng và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng. Tại các cơ sở y tế thực hiện các công tác dinh dưỡng như các trạm y tế, trung tâm y tế huyện, trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Y tế dự phòng tỉnh, Chi cục An toàn thực phẩm (ATTP), bệnh viện các tuyến, nhân lực được đào tạo ở bậc đại học và sau đại học về dinh dưỡng còn rất thiếu. Chính vì vậy, rất cần nguồn nhân lực được đào tạo bài bản ở trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ để quản lý, tổ chức triển khai, theo dõi và đánh giá các chương trình dinh dưỡng, giảng dạy và nghiên cứu về dinh dưỡng. Đội ngũ nhân lực này cần có kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để giải quyết các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng, an toàn thực phẩm và dinh dưỡng lâm sàng - tiết chế; có khả năng chủ động thực hiện độc lập một số kỹ thuật của chuyên ngành để phục vụ cho công tác dinh dưỡng dự phòng và chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh.

Tuy nhiên, đối với đào tạo đại học, tính đến năm 2022 chỉ có 7 cơ sở trên toàn quốc tham gia đào tạo bậc đại học với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm khoảng 270 sinh viên, và đến 2020 đã tốt nghiệp được 127 cử nhân dinh dưỡng, con số này còn khá khiêm tốn so với khả năng đáp ứng được nhu cầu xã hội trong thời gian tới⁷. Với đào tạo thạc sĩ, trên toàn quốc hiện chỉ có 2 Trường (Trường ĐH Y Hà Nội và Trường ĐH Y Thái Bình) đang tham gia đào tạo loại hình này. Trường ĐH Y Hà Nội từ năm 2011 đến nay mới đào tạo mới được 59 thạc sĩ dinh dưỡng, 9 bác sĩ chuyên khoa I dinh dưỡng và 5 bác sĩ nội trú dinh dưỡng⁸, Trường ĐH Y Thái Bình bắt đầu đào tạo

⁶ Trường Đại học Y tế công cộng, (2022), *Đánh giá nhanh nhu cầu nhân lực Thạc sĩ dinh dưỡng và năng lực người học sau tốt nghiệp*.

⁷ Viện Dinh dưỡng (2021), *Báo cáo tình hình dinh dưỡng, chiến lược can thiệp 2011-2020 và định hướng 2021-2030*, Nhà xuất bản Dân trí, trang 183-197.

⁸ Viện Dinh dưỡng (2021), *Báo cáo tình hình dinh dưỡng, chiến lược can thiệp 2011-2020 và định hướng 2021-2030*, Nhà xuất bản Dân trí, trang 183-197.

ThS Dinh dưỡng từ năm 2017, nhưng mỗi năm cũng đào tạo với số lượng rất ít. Như vậy nếu tính con số ThS Dinh dưỡng đã tốt nghiệp trong 10 năm qua và chia bình quân cho 63 tỉnh thành thì mỗi tỉnh thành mới có khoảng 1 ThS dinh dưỡng.

Chính vì vậy còn một số lượng lớn cán bộ đang hoạt động trong lĩnh vực dinh dưỡng có nhu cầu nâng cao năng lực ở trình độ ThS để đảm nhiệm các vị trí chủ chốt tại các trung tâm y tế, trường khoa Dinh dưỡng tại các bệnh viện, CDC, chuyên trách dinh dưỡng tại các Viện, Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, các cơ quan Chính phủ và tổ chức quốc tế, và khối doanh nghiệp. Do đó cần thiết phải bổ sung thêm các cơ sở đào tạo trình độ Thạc sĩ để đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ dinh dưỡng.

2.3. Nhu cầu về năng lực của người học sau tốt nghiệp

Trường ĐH YTCC đã thực hiện đánh giá nhanh nhu cầu năng lực của người học sau tốt nghiệp năm 2022 của 37 nhà tuyển dụng lao động (gồm đại diện 3 lãnh đạo Vụ Cục liên quan của Bộ Y tế, 18 Lãnh đạo Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật tỉnh thành phố và LĐ Khoa Dinh dưỡng của Trung tâm; 14 Lãnh đạo bệnh viện và Lãnh đạo Khoa Dinh dưỡng bệnh viện; 2 lãnh đạo NGOs đang hoạt động trong lĩnh vực dinh dưỡng) và 10 chuyên gia dinh dưỡng đang công tác tại các Trường ĐH và Viện Nghiên cứu. Kết quả cho thấy: 95,5 % người trả lời cho rằng mục tiêu của CTĐT định hướng nghiên cứu và 100 % cho rằng mục tiêu của CTĐT định hướng ứng dụng là phù hợp và rất phù hợp.

Nhu cầu năng lực của người học sau tốt nghiệp chung cho cả 2 định hướng bao gồm các nhu cầu về kiến thức “*cốt lõi về dinh dưỡng người, khoa học thực phẩm, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP*”. Về kỹ năng chuyên môn liên quan đến thực hiện các kỹ thuật dinh dưỡng, nhà tuyển dụng và chuyên gia cho rằng nhu cầu về năng lực của ThS dinh dưỡng gồm “*thiết kế và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp trong lĩnh vực*”, “*Thực hiện lập kế hoạch, triển khai, theo dõi giám sát và đánh giá các can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng*”; các kỹ năng mềm gồm năng lực “*về ngoại ngữ*” để có thể làm việc bằng ngoại ngữ, năng lực ra “*quyết định, làm việc nhóm*”. Bên cạnh đó các năng lực “*tự học tập liên tục*” và “*Tham gia quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức*” cũng hết sức cần thiết.

Đối với định hướng nghiên cứu, bên cạnh các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, năng lực của người học sau tốt nghiệp mong đợi bao gồm các năng lực kiến thức “*thiết kế và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp trong lĩnh vực*” có kỹ năng để “*Triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP*” để cung cấp cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách.

Đối với định hướng ứng dụng, năng lực đặc thù của nhóm này bao gồm “*Phân tích nguyên tắc xây dựng chính sách, truyền thông chính sách và quản lý dự án trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP*” và kỹ năng về “*Xây dựng, vận động và triển khai chính sách, dự án dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP dựa trên các bằng chứng khoa học*”.

Kết quả về nhu cầu năng lực của ThS Dinh dưỡng sau tốt nghiệp được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá nhu cầu về năng lực của ThS Dinh dưỡng

Định hướng nghiên cứu	% cần thiết và rất cần thiết	Định hướng nghiên cứu ứng dụng	% cần thiết và rất cần thiết
Chuẩn đầu ra về Kiến thức			
Phân tích các kiến thức về triết học và những kiến thức cốt lõi về dinh dưỡng người, khoa học thực phẩm, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.	86,4	Phân tích về triết học và những kiến thức cốt lõi về dinh dưỡng người, khoa học thực phẩm, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.	84,1
Lựa chọn các thiết kế và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP	93,0	Phân tích nguyên tắc xây dựng chính sách, truyền thông chính sách và quản lý dự án trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP	90,7
Chuẩn đầu ra về Kỹ năng			
Đánh giá tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng và trong bệnh viện	95,5	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng và trong bệnh viện	100
Chủ trì lập kế hoạch, triển khai, theo dõi giám sát và đánh giá các can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng	93,0	Chủ trì lập kế hoạch, triển khai, theo dõi giám sát và đánh giá các can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng	90,7
Chủ trì tổ chức các hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện và chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh	84,1	Chủ trì tổ chức các hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện và chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh	93,2
Triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP	100	Xây dựng, vận động và triển khai chính sách, dự án dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP dựa trên các bằng chứng khoa học	90,9
Có kỹ năng ngoại ngữ Tiếng Anh (4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam)	88,6	Có kỹ năng ngoại ngữ Tiếng Anh (4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam)	86,4

Định hướng nghiên cứu	% cần thiết và rất cần thiết	Định hướng nghiên ứng dụng	% cần thiết và rất cần thiết
Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc	95,5	Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc	97,7
Chuẩn đầu ra về Tự chủ, chịu trách nhiệm			
Chứng tỏ khả năng tự học, liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.	97,7	Chứng tỏ khả năng tự học, liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.	95,5
Tham gia quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.	88,6	Tham gia quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.	90,9

(Chi tiết kết quả khảo sát về nhu cầu năng lực của ThS dinh dưỡng được trình bày tại Phụ lục 1)

2.4. Xu hướng phát triển Thạc sĩ dinh dưỡng trên Thế giới và Việt Nam

Ngành dinh dưỡng đã phát triển một cách bền vững trên thế giới, đặc biệt là ở những nước phát triển. Qua tổng quan tài liệu, hiện có hàng trăm cơ sở đào tạo khắp nơi trên thế giới đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng với các tên gọi khác nhau như Thạc sĩ dinh dưỡng (Master of Nutrition), Thạc sĩ khoa học dinh dưỡng người ứng dụng (MSc in Applied Human Nutrition), Thạc sĩ khoa học dinh dưỡng (Master of Science in Nutrition), Thạc sĩ khoa học về dinh dưỡng và tiết chế (Master of science nutrition and dietetics),... Ở các nước phát triển như Mỹ, Úc, Anh,... mỗi nước có hàng chục trường hiện đang đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng, còn ở khu vực Châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Indonexia,... mỗi nước cũng đều có 2-5 Trường đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng. Ở Khu vực Đông Nam Á có trung tâm đào tạo SEMEO-TROPED là nơi đã đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng trên 30 năm, cung cấp nguồn nhân lực có trình độ thạc sĩ dinh dưỡng quan trọng cho khu vực. Người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực để làm việc trong các lĩnh vực như tiết chế, dinh dưỡng trong bệnh viện, Viện nghiên cứu sức khỏe, công nghiệp dịch vụ ăn uống, trung tâm sức khỏe và thể dục, công ty liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, các cơ quan liên quan thuộc chính phủ; nghiên cứu viên tại các viện/ cơ quan nghiên cứu, ngành công nghiệp thực phẩm, tư vấn cho các tổ chức quốc tế và trong nước liên quan đến dinh dưỡng và thực phẩm, quản lý dự án về dinh dưỡng và thực phẩm, chủ doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, để đảm bảo triển khai được các nhiệm vụ liên quan đến dinh dưỡng và thực hiện thắng lợi Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng, trong giai đoạn vừa qua, một số qui định và cơ sở pháp lý hỗ trợ cho việc đào tạo nhân lực đã được xây dựng và ban hành bao gồm: Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 5/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 4858/QĐ-BYT ngày 3/12/2013 về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện, trong đó có 5 tiêu chí liên quan đến năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế tại Bệnh viện; Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV được Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, dinh dưỡng và dinh dưỡng đã chính thức được công nhận là một nghề trong hệ thống ngành nghề y tế. Năm 2017, Bộ Y tế cũng đã ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó trung tâm phải có khoa Dinh dưỡng và thực hiện các hoạt động chuyên môn, chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý, kiểm tra, giám sát phòng chống rối loạn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng; dinh dưỡng tiết chế, dinh dưỡng trong phòng chống các bệnh không lây nhiễm; cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, dinh dưỡng cộng đồng; phối hợp thực hiện các hoạt động nâng cao tầm vóc và thể trạng con người Việt Nam. Năm 2020, Bộ Y tế Ban hành thông tư 18/2020/TT-BYT qui định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện, nêu rõ các qui định về cơ cấu tổ chức và hoạt động chuyên môn về dinh dưỡng tại các cơ sở khám chữa bệnh.

Một loạt các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn liên quan đến công tác dinh dưỡng trong thời gian qua cho thấy sự cần thiết phải phát triển ngành dinh dưỡng 1 cách hệ thống và bền vững ở Việt Nam. Theo đó, các bệnh viện có từ 100 giường bệnh trở lên phải thành lập tổ/khoa dinh dưỡng; các CDC tuyến tỉnh, TTYT huyện phải có Khoa dinh dưỡng hoặc bộ phận quản lý các hoạt động dinh dưỡng, các NGOs, INGOs về dinh dưỡng và thực phẩm, các Viện nghiên cứu về dinh dưỡng, thực phẩm,... sẽ phát triển trong thời gian tới, kèm theo đó cần phải có một đội ngũ nhân sự được đào tạo cơ bản và nâng cao để thực hiện thành công chiến lược Quốc Gia về dinh dưỡng 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.

Trường Đại học Y tế công cộng, với sứ mạng “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, qua đó có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội*” và tầm nhìn “*Đến năm 2025, Trường Đại học Y tế công cộng trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ chăm sóc và bảo*

vệ sức khỏe nhân dân” nên việc đa dạng hóa các ngành đào tạo để cung cấp nhân lực cho bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân là hết sức cần thiết.

Việc mở ngành đào tạo dinh dưỡng trình độ thạc sĩ đã được thông qua bởi Nghị Quyết Đảng ủy số 259/NQ-ĐU ngày 20/7/2022 bởi những lý do sau: 1) Dựa trên nhu cầu của xã hội và ngành y tế cần thiết phải có nhân lực trình độ cao (trình độ thạc sĩ) thuộc chuyên dinh dưỡng; 2) Trường ĐH YTCC đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo cử nhân dinh dưỡng từ năm 2017 và tính đến nay đã có 2 khóa với 85 sinh viên tốt nghiệp; 3) Trường có Bộ môn dinh dưỡng được thành lập từ năm 2002, đã có chủ trì đào tạo cử nhân Y tế công cộng định hướng dinh dưỡng (từ 2010-2015), chủ trì đào tạo cử nhân dinh dưỡng (từ 2017 đến nay), có đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản, được đầu tư trang thiết bị hiện đại, có Phòng khám đa khoa của Trường và một số bệnh viện lớn và TTYT, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh là cơ sở đào tạo thực hành. Với nền tảng đó Trường có đủ năng lực đào tạo ngành dinh dưỡng trình độ thạc sĩ. Chủ trương mở ngành Dinh dưỡng trình độ Thạc sĩ cũng đã được Đảng ủy thông qua tại Nghị quyết của Đảng ủy số 259/NQ-ĐU ngày 20/7/2022; được Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường thông qua tại biên bản số 17/BB-HĐKHĐTCN ngày 31/8/2022 và Hội đồng Trường thông qua theo Nghị quyết số 133/NQ-HĐT ngày 03/10/2022). Kế hoạch hoạt động của Nhà trường năm 2022-2023 cũng đã xác định giao cho Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Sức khỏe Môi trường- Nghề nghiệp và các Khoa/Viện liên quan hoàn thiện đề án và chương trình đào tạo để đăng ký đào tạo ngành Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ.

3. Căn cứ pháp lý để mở ngành Thạc sĩ Dinh dưỡng

- Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành Luật Giáo dục
- Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học
- Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 ban hành mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng
- Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 5/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.
- Thông tư 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Thông tư 18/2020/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế qui định về dinh dưỡng trong bệnh viện.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 Quy định điều kiện trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ
- Quyết định số 4637/QĐ-BGDĐT ngày 18/10/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Y tế công cộng đào tạo ngành Công tác xã hội và thí điểm ngành Dinh dưỡng học trình độ chính quy.
- Báo cáo đánh giá nhà tuyển dụng về nhu cầu đào tạo ngành dinh dưỡng trình độ Thạc sĩ
- Nghị quyết của Đảng ủy số 259/NQ-ĐU ngày 20/7/2022 của Đảng ủy Trường Đại học Y tế công cộng thống nhất chủ trương mở ngành đào tạo dinh dưỡng trình độ Thạc sĩ.
- Biên bản Hội đồng Khoa học Đào tạo và công nghệ số 17/BB-HĐKHĐTCN ngày 31/8/2022 của Hội đồng Khoa học Đào tạo và công nghệ thông qua chủ trương mở ngành đào tạo dinh dưỡng trình độ Thạc sĩ.
- Nghị Quyết số 133/NQ-HĐT ngày 3/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng thông qua chủ trương mở ngành Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ

4. Năng lực của Trường Đại học Y tế công cộng

4.1. Thực trạng các ngành đào tạo của Trường

4.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Tháng 4 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 65/2001/QĐ-TTg thành lập trường ĐH YTCC trên cơ sở trường Cán bộ quản lý y tế. Tháng 7 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 6120/QĐ-BGD&ĐT/ĐH cho phép Trường ĐH YTCC đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Y tế công cộng. Từ năm 2002 đến nay, nhà trường đã tổ chức đào tạo với qui mô mỗi năm khoảng 3000 sinh viên các hệ, đã có hơn 3.000 sinh viên cử nhân và 2000 học viên sau đại học đã tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên đại học có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp đạt >85%.

Bảng 2. Tóm tắt các ngành đào tạo và qui mô tuyển sinh của Trường ĐH YTCC năm 2022

TT	Ngành	Trình độ	Qui mô tuyển sinh	Hình thức đào tạo
1	Y tế công cộng	Cử nhân	250	Chính quy, VLVH
		Thạc sĩ	115	Chính quy
		CK 1	100	Chính quy
		Tiến sĩ	5	Chính quy
2	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Cử nhân	250	Chính quy, VLVH
		Thạc sĩ	60	Chính quy
3	Dinh dưỡng học	Cử nhân	130	Chính quy, VLVH
4	Công tác xã hội	Cử nhân	30	Chính quy
5	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Cử nhân	130	Chính quy
6	Kỹ thuật công nghệ môi trường	Cử nhân	30	Chính quy
7	Khoa học dữ liệu	Cử nhân	50	Chính quy
5	Quản lý bệnh viện	Thạc sĩ	115	Chính quy
		Tiến sĩ	5	Chính quy
6	Tổ chức Quản lý Y tế	CK II	100	Chính quy

4.1.2. Thực trạng đào tạo trình độ cử nhân dinh dưỡng

Trường ĐH YTCC đã đào tạo cử nhân Y tế công cộng định hướng dinh dưỡng từ năm 2010, 2,5 năm đầu sinh viên học các kiến thức chung về YTCC và 1,5 năm sau sinh viên học các kiến thức chuyên ngành dinh dưỡng. Năm 2016, Trường tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo cử nhân dinh dưỡng theo Quyết định số 4637/QĐ-BGDĐT ngày 18/10/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Y tế công cộng đào tạo ngành Công tác xã hội và thí điểm ngành Dinh dưỡng học trình độ chính quy.

Bảng 3. Qui mô tuyển sinh và đào tạo cử nhân Dinh dưỡng của Trường ĐHYTCC

TT	Tên lớp	Khóa học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số nhập học	Số tốt nghiệp
Hệ chính quy					
1	CNDD khóa 1	2017-2021	50	43	39
2	CNDD khóa 2	2018-2022	60	50	46
3	CNDD khóa 3	2019-2023	80	45	-
4	CNDD khóa 4	2020-2024	80	66	-

TT	Tên lớp	Khóa học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số nhập học	Số tốt nghiệp
5	CNDD khóa 5	2021-2025	88	109	-
6	CNDD khóa 6	2022-2026	120	100	
Hệ vừa làm vừa học					
1	CNDD hệ VLVH khóa 1	2021-2025	30	29	0
2	CNDD hệ VLVH khóa 1	2022-2026	20	15	

Tính đến tháng 10/2022, Trường đã tuyển sinh được 6 khoá cử nhân chính qui, 2 khoá cử nhân VLVH và đã có 2 khoá với 85 sinh viên tốt nghiệp. Kết quả báo cáo năm 2022 cho thấy, tỷ lệ sinh viên cử nhân chính qui có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 94,6%, trong đó tỷ lệ làm việc đúng ngành là 70%.

4.2. Đội ngũ giảng viên

Về số lượng giảng viên cơ hữu, Trường ĐH YTCC hiện có 132 giảng viên trong đó có 4 Giáo sư, 21 Phó Giáo sư, 40 Tiến sĩ, 54 Thạc sĩ và 13 bác sĩ, cử nhân. Tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ và học hàm PGS, GS chiếm 49,2%. Ngoài ra, trường có đội ngũ giảng viên kiêm chức là các giáo sư, tiến sĩ đầu ngành đang làm việc tại Bộ Y tế, các bệnh viện, các cơ quan của ngành Y tế ở Hà Nội và các cơ sở đào tạo có uy tín trên địa bàn Hà Nội. Đội ngũ các giảng viên này vừa là chuyên gia với nhiều năm kinh nghiệm thực tế, vừa là những người thầy nhiệt tình tham gia xây dựng khung chương trình và tài liệu, gắn bó với công việc giảng dạy của nhà trường từ nhiều năm nay.

4.2.1. Giảng viên cơ hữu ngành đúng và ngành phù hợp với ngành Dinh dưỡng

Đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 1 Phó giáo sư ngành đúng (dinh dưỡng) chủ trì ngành, đã có 10 năm kinh nghiệm giảng dạy sau đại học thuộc lĩnh vực Dinh dưỡng và 12 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý đào tạo sau đại học. Ngoài 1 Phó giáo sư chủ trì ngành, Trường cũng có đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành đúng và ngành phù hợp để chủ trì giảng dạy các thành phần thuộc CTĐT, gồm 2 Phó giáo sư, 4 Tiến sĩ ngành đúng và ngành phù hợp (dinh dưỡng, y tế công cộng, vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế), đều có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng.

Danh sách các giảng viên chủ trì và tham gia giảng dạy chương trình đào tạo Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ của Trường ĐHYTCC được trình bày tại bảng 4:

Bảng 4. Danh sách giảng viên cơ hữu trình độ tiến sĩ ngành đúng và ngành phù hợp chủ trì và tham gia giảng dạy chương trình đào tạo Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
	Chủ trì ngành		
1.	Nguyễn Thanh Hà, 1972 Giảng viên cao cấp Phó hiệu trưởng, Trường ĐHYTCC	TS, 2012 PGS, 2015	TS Dinh dưỡng/ BS Y khoa
2.	Lưu Quốc Toàn, 1982 Trưởng BM Dinh dưỡng và ATTP- Trường ĐH YTCC	TS, 2021	TS Y tế công cộng
3.	Nguyễn Ngọc Bích, 1975 Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa SKMT-NN, Trường ĐH YTCC	TS, 2016 PGS, 2022	TS Y tế công cộng/ BS Y khoa/ Chứng chỉ Khám, tư vấn dinh dưỡng
4.	Nguyễn Thúy Quỳnh, 1970 Giảng viên cao cấp, Trường ĐH YTCC	TS, 2013 PGS, 2016	TS Y tế công cộng/ BS Y khoa
5.	Phan Hương Dương, 1970 Phó Trưởng BM Dinh dưỡng và ATTP, Trường ĐHYTCC Phó Giám đốc, Bệnh viện Nội tiết trung ương	TS, 2016	TS Vệ sinh xã hội học và tổ chức Y tế/ BS Y khoa
6.	Trương Hồng Sơn, 1970 Phó Trưởng BM Dinh dưỡng, Trường ĐHYTCC Viện trưởng Viện Y học Ứng dụng Việt Nam	TS, 2013	TS Dinh dưỡng/ BS Y khoa
7.	Đỗ Thị Hạnh Trang, 1981, Giảng viên chính, Khoa Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp, Trường ĐHYTCC	TS, 2019	TS Y tế công cộng/ Chứng chỉ tư vấn dinh dưỡng

	Tham gia giảng dạy		
8.	Hứa Thanh Thủy, 1984 Giảng viên, Viện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành Y tế, Trường ĐHYTCC	TS, 2021	TS Y tế công cộng
9.	Nguyễn Quỳnh Anh, 1981 Giảng viên cao cấp Viện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành Y tế, Trường ĐHYTCC	TS, 2014	TS Y tế công cộng
10.	Lê Minh Thi, 1976 Giảng viên, Khoa Khoa học xã hội và hành vi, Trường ĐHYTCC	TS, 2020	TS Y tế công cộng/ BS Y khoa
11.	Nguyễn Thái Quỳnh Chi, 1977 Giảng viên chính, Khoa Khoa học xã hội và hành vi, Trường ĐHYTCC	TS, 2022	TS Y tế công cộng
12.	Trần Thị Đức Hạnh, 1983 Giảng viên, Khoa Các khoa học cơ bản, Trường ĐHYTCC	TS, 2021	TS Y tế công cộng

Danh sách chi tiết toàn bộ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy từng học phần thuộc mỗi định hướng của CTĐT được trình bày trong Mẫu 1, Mẫu 2a, 2b tại Phụ lục 1: Xác nhận điều kiện thực tế của Trường Đại học Y tế công cộng.

4.2.2. Số lượng giảng viên thỉnh giảng

Các giảng viên thỉnh giảng thuộc ngành đúng và ngành gần hoặc đang làm việc trong lĩnh vực dinh dưỡng gồm 4 giảng viên, trong đó có 1 GS, 2 PGS và 1 TS. Danh sách cụ thể như sau:

Bảng 5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng chương trình ThS Dinh dưỡng

TT	Họ và tên	Học hàm/học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
-----------	------------------	-----------------------	----------------------------------	------------------------------

1.	Lê Danh Tuyên	GS. TS	Y học	Viện Dinh dưỡng Quốc gia
2.	Nguyễn Đỗ Huy	PGS. TS	Y học/Dinh dưỡng tiết chế	Viện Dinh dưỡng Quốc gia
3.	Trần Thúy Nga	PGS. TS	Dinh dưỡng	Viện Dinh dưỡng Quốc gia
4.	Nguyễn Trọng Hưng	TS	Dinh dưỡng	Viện Dinh dưỡng Quốc gia

4.2.3. Giảng viên hướng dẫn thực hành

Bộ môn Dinh dưỡng của Trường có đội ngũ giảng viên có trình độ ThS có thể tham gia hướng dẫn các phần thực hành trong CTĐT, cụ thể như sau:

Bảng 6. Danh sách giảng viên hướng dẫn thí nghiệm, thực hành ThS Dinh dưỡng

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành được đào tạo
1.	Lê Thị Thu Hà	ThS	Nghiên cứu sinh chuyên ngành Dinh dưỡng/ ThS Dinh dưỡng
2.	Nguyễn Thị Mai Nhiên	ThS	BS Y khoa/ ThS Dinh dưỡng
3.	Hoàng Khắc Tuấn Anh	ThS	Cử nhân điều dưỡng/ Thạc sĩ Dinh dưỡng
4.	Ngô Thanh Hằng	ThS	BS Y học dự phòng/ Thạc sĩ Dinh dưỡng

4.2.4. Đơn vị quản lý ngành ThS Dinh dưỡng

Trường ĐH YTCC đã được phép đào tạo sau đại học trình độ ThS từ năm 1997, Trường có kinh nghiệm quản lý đào tạo sau đại học 25 năm, có thể tiếp tục đảm nhiệm quản lý chương trình đào tạo mới. Các cán bộ tham gia quản lý đào tạo được đào tạo chính quy chuyên ngành quản lý giáo dục hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng ngắn hạn về quản lý giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo.

Phòng Quản lý Đào tạo sẽ là đơn vị trực tiếp quản lý đào tạo (tuyển sinh, tổ chức các hoạt động của quá trình đào tạo, tốt nghiệp).

Khoa Sức khỏe Môi trường- Nghề nghiệp, trong đó có Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm thuộc Trường là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý về mặt chuyên môn đối với CTĐT Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ (đánh giá nhu cầu đào tạo, xây dựng

chương trình đào tạo, giảng dạy các môn cơ sở, chuyên ngành, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp).

Phòng Quản lý Đào tạo chịu trách nhiệm về quản lý hành chính về đào tạo; Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm tổ chức thi, chấm thi; Phòng Công tác học viên sinh viên chịu trách nhiệm quản lý và hỗ trợ các thủ tục đảm bảo quyền lợi người học..

4.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

4.3.1. Phòng học, giảng đường

Tổng diện tích của trường là 5,7 ha, tổng diện tích sử dụng là 40.000m². Tổng diện tích các phòng học là 21.648m² với nhiều phòng học có diện tích khác nhau nhằm phục vụ tốt nhu cầu giảng dạy và học tập, giảng đường có đầy đủ các phương tiện nghe nhìn hiện đại như máy chiếu, máy tính v.v. giúp cho việc dạy và học tích cực và lấy sinh viên, học viên làm trung tâm. Hai phòng máy tính với hàng trăm máy tính phục vụ cho công tác dạy, học và nghiên cứu khoa học. Khu làm việc bao gồm các bộ môn và phòng ban được trang bị phương tiện làm việc như máy tính, phương tiện thông tin. Trong trường có mạng máy tính nội bộ (LAN) và Internet để khai thác thông tin phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học.

Bảng 7. Cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ học tập

TT	Nội dung	Số lượng
1	Diện tích (Đơn vị: ha):	57.093m ²
	● Diện tích sử dụng (đơn vị: m ²):	40.000 m ²
	● Diện tích phòng học, phòng họp	21.648 m ²
	● Số lượng phòng học	43
	● Số lượng phòng học cầu truyền hình	02
2	Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và phòng họp:	
	- LCD projector	20
	- Màn chiếu Projector	15
	- Laptop	19
	- Ti vi	34
3	Phòng máy tính	
	● Số phòng máy tính	03
	● Số lượng máy tính	147
4	Phòng thực hành, thí nghiệm	
	● Số phòng thực hành, thí nghiệm	16
	● Số phòng thực hành, thí nghiệm dành cho đào tạo dinh dưỡng	03

4.3.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

Để phục vụ giảng dạy thực hành cho CTĐT ThS Dinh dưỡng, Trường ĐHYTCC có 3 phòng thực hành với hàng trăm thiết bị phục vụ công tác giảng dạy.

Bảng 8. Tóm tắt về phòng thực hành và TTB phục vụ giảng dạy thực hành CTĐT ThS Dinh dưỡng

T T	Tên phòng thí nghiệm thực hành	Diện tích (m ²)	Số lượng thiết bị	Phục vụ môn học /học phần
1	Phòng thực hành nhân trắc dinh dưỡng	72 m ²	20	-Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng cộng đồng và trong bệnh viện -Dinh dưỡng, hoạt động thể lực và sức khỏe
2	Phòng thực hành dinh dưỡng- tiết chế	79 m ²	58	-Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm -Dinh dưỡng lâm sàng
3	Phòng thực hành An toàn thực phẩm	125 m ²	20	-Quản lý nguy cơ ATTP -Quản lý dịch vụ ăn uống
4	Phòng Khám đa khoa			- Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng trên cộng đồng và trong BV - Dinh dưỡng lâm sàng - Thực tập

4.3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo.

Trung tâm thư viện có hàng ngàn đầu sách về các lĩnh vực trường đang tham gia đào tạo đủ cho học viên và cán bộ tham khảo. Thư viện có đầy đủ các dữ liệu điện tử cũng như các đầu sách xuất bản cập nhật. Giáo trình giảng dạy của Nhà trường phần lớn do các giảng viên của trường tự biên soạn hoặc tham khảo giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn của các Trường Đại học uy tín trong nước và thế giới. Trường có khoảng 100 đầu sách, tài liệu liên quan đến lĩnh vực Dinh dưỡng, thực phẩm và an toàn thực phẩm.

4.3.4. Mạng công nghệ thông tin.

Trường có mạng máy tính nội bộ (LAN) và Internet tốc độ cao để khai thác thông tin phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học. Mạng công nghệ thông tin được phục vụ 24/7 đảm bảo kết nối cho giảng viên, cán bộ và sinh viên phục vụ công việc.

4.3.5. Cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

Trường ĐH YTCC ký hợp đồng thực hành với nhiều bệnh viện tại Hà Nội là cơ sở thực tập của trường theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 5/10/2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và các cơ sở y tế dự phòng để giảng dạy thực hành cho sinh viên. Danh mục cơ sở thực tập gồm:

Bảng 9. Danh mục các cơ sở thực hành phục vụ chương trình đào tạo

TT	Tên đơn vị thực hành/thực tập	Hợp đồng
1.	Bệnh viện E Trung Ương	519/HTĐT-ĐHYTCC ngày 18/9/2019
2.	Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	361/HĐTH-BV ngày 7/8/2019
3.	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	1203/2022/HĐTH-BV108 ngày 6/9/2022
4.	Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp	Số 06/HĐTH-ĐHYTCC ngày 7/2/2023
5.	Bệnh viện Thanh Nhàn	Số 174/HĐTH ngày 25/11/2020
6.	Bệnh viện Bạch Mai	Số 97/2020/HĐTH/BM-YTCC ngày 16/11/2020
7.	Bệnh viện Nội tiết Trung ương	Số 02/HĐTH-BVNTTW ngày 30/3/2020
8.	Viện Y học Ứng dụng Việt Nam (Phòng khám VIAM clinic)	Số 0107/2022/HĐTH-VYHUDVN ngày 1/7/2022
9.	Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa bệnh tật Hà Nội	Số 1076/ĐHYTCC-HĐGD ngày 1/10/2020
10.	Trung tâm Y tế Quận Cầu Giấy	189/HĐTH- ĐHYTCC ngày 1/9/2021
11.	Trung tâm Y tế Quận Bắc Từ Liêm	1069/ĐHYTCC-HĐGD ngày 2/10/2020

4.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Với quan điểm nghiên cứu khoa học là xương sống cho công tác đào tạo và tư vấn, cũng là phương tiện cho việc hình thành và phát triển mạng lưới, Trường ĐH

YTCC đã tích cực liên kết, triển khai nghiên cứu cùng với mạng lưới y tế trong nước để triển khai các hoạt động nghiên cứu. Hòa nhập với các hoạt động nghiên cứu quốc tế, nhà trường cũng chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế và các Trường Đại học lớn như: Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Trung tâm phòng ngừa bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), Quỹ Nhi đồng liên hiệp quốc, Liên minh phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em, Trường Đại học Johns Hopkins, Tulane, Boston v.v. Các giảng viên của Trường, trong 5 năm (2017-2022) cũng đã triển khai thành công hơn 200 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, xuất bản khoảng 600 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và gần 400 bài báo quốc tế.

Đối với lĩnh vực dinh dưỡng và ATTP, trong 5 năm từ 2017-2022, Trường đã có 9 đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) của các giảng viên, 6 đề tài NCKH của sinh viên, xuất bản 39 bài báo khoa học quốc tế và 54 bài báo khoa học trong nước liên quan đến chủ đề dinh dưỡng và ATTP.

Bảng 10. Kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dinh dưỡng và ATTP (2017-2022)

Nội dung	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Đề tài NCKH của giảng viên	1	3	2	1	2
Đề tài NCKH của SV ngành dinh dưỡng	-	-	-	3	3
Bài báo quốc tế	4	8	12	11	4
Bài báo trong nước	6	12	11	14	11

5. Mục tiêu đào tạo, kế hoạch và qui mô đào tạo

5.1. Đối tượng và phương thức tuyển sinh

5.1.1. Đối tượng tuyển sinh và tiêu chuẩn đầu vào:

5.1.1.1. Điều kiện về văn bằng:

Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành phù hợp với ngành dinh dưỡng (Đối với định hướng nghiên cứu thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dinh dưỡng, ATTP).

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng: Cử nhân dinh dưỡng.
- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: Những ngành thuộc khối ngành sức khỏe, trừ ngành Dinh dưỡng) và ngành khác (Cử nhân Hóa thực phẩm, công nghệ thực phẩm, sinh học, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến thực phẩm, kỹ thuật thực phẩm, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm) phải

có chứng chỉ chương trình bổ sung kiến thức chuyên ngành dinh dưỡng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày dự thi tuyển sinh.

Chương trình bổ sung kiến thức chuyên ngành dinh dưỡng gồm:

- Hóa sinh dinh dưỡng: 2 tín chỉ
- Sinh lý bệnh và miễn dịch học: 2 tín chỉ
- Đại cương về dinh dưỡng và ATTP: 2 tín chỉ

5.1.1.2. Điều kiện về ngoại ngữ: Có năng lực Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

5.1.1.3. Các điều kiện khác: theo qui định hiện hành

5.1.2. Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh gồm: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Phương thức tuyển sinh cụ thể từng năm sẽ do đơn vị chuyên môn đề xuất, thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo và Công nghệ, trình Hiệu trưởng phê duyệt và sẽ được công bố trong Thông báo tuyển sinh.

Nếu chọn phương thức thi tuyển thì dự kiến các môn thi tuyển như sau:

- Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (120 phút)
- Tiếng Anh (trình độ B1) (120 phút)

5.2. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ThS Dinh dưỡng gồm 2 định hướng nghiên cứu và ứng dụng, có thời gian đào tạo là 18 tháng, với mục tiêu của CTĐT định hướng nghiên cứu là: *“Học viên tốt nghiệp Thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu có khả năng chủ trì nghiên cứu để cung cấp các bằng chứng khoa học trong lĩnh vực dinh dưỡng và thực phẩm; chủ trì lập kế hoạch, triển khai, giám sát các hoạt động chuyên môn về dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn thực phẩm; tham gia đào tạo nhân lực dinh dưỡng, góp phần thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trong thời đại công nghệ 4.0”*; và mục tiêu của CTĐT định hướng ứng dụng là *“Học viên tốt nghiệp Thạc sĩ dinh dưỡng định hướng ứng dụng có khả năng xây dựng và đề xuất chính sách trong lĩnh vực dinh dưỡng và thực phẩm; chủ trì lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động chuyên môn về dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn thực phẩm; tham gia đào tạo nhân lực dinh dưỡng, góp phần thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trong thời đại công nghệ 4.0”*.

Mỗi CTĐT có 7 mục tiêu cụ thể (3 mục tiêu kiến thức, 2 mục tiêu kỹ năng và 2 mục tiêu tự chủ, chịu trách nhiệm) và 10 chuẩn đầu ra (2 chuẩn kiến thức, 6 chuẩn kỹ năng và 2 chuẩn tự chủ, trách nhiệm). CTĐT của mỗi định hướng gồm 60 tín chỉ (TC), được trình bày tóm tắt trong bảng 11.

Bảng 11. Tóm tắt các khối kiến thức của CTĐT ThS Dinh dưỡng

Các khối kiến thức	Định hướng nghiên cứu (số TC)	Định hướng ứng dụng (số TC)
Kiến thức chung	4	4
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
- Kiến thức bắt buộc	28	33
- Kiến thức tự chọn	4	8
Chuyên đề nghiên cứu	12	0
Thực tập	0	6
Luận văn	12	0
Đề án tốt nghiệp	0	9
Tổng cộng	60	60

Để chuẩn bị cho các khóa đầu, Trường đã dự kiến 6 định hướng nghiên cứu cho học viên thực hiện và phân công các giảng viên có kinh nghiệm phụ trách, ví dụ:

- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của các đối tượng khác nhau và các yếu tố ảnh hưởng
- Nghiên cứu khẩu phần dinh dưỡng của người bình thường và người bệnh và một số yếu tố ảnh hưởng
- Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ dinh dưỡng đối với bệnh không lây nhiễm và truyền nhiễm
- Nghiên cứu ảnh hưởng chế độ dinh dưỡng với hiệu quả điều trị một số bệnh trong bệnh viện
- Nghiên cứu các vấn đề thực hiện chính sách, quản lý các chương trình/dự án/hoạt động dinh dưỡng, ATTP tại cộng đồng và trong bệnh viện
- Nghiên cứu các vấn đề về an ninh dinh dưỡng, kinh tế dinh dưỡng
- ...

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Nhà trường đã tham khảo chương trình của Trường Đại học Y Hà Nội và một số nước trên thế giới, dưới đây là bảng đối sánh một số chương trình tiêu biểu:

Bảng 12. Đối sánh chương trình đào tạo ThS Dinh dưỡng với một số CTĐT ThS Dinh dưỡng trên Thế giới và Việt Nam

Trường ĐH YTCC (ThS Dinh dưỡng)		Trường Đại học Y Hà Nội (Thạc sĩ dinh dưỡng)	Atlantic International University (Master of Nutrition) ¹	Oxford Brookes University (MSc in Applied Human Nutrition) ²
Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng			
Triết học		Triết học		
Thống kê y tế		Thống kê y học*		
PPNC định lượng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Process	Research Methods
PPNC định tính				
		Hoá sinh dinh dưỡng	Biochemistry	
Sinh lý dinh dưỡng			Genetics and Nutrition	
Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm		Dinh dưỡng cơ sở và lứa tuổi	Science of Foods	Fundamentals of Human Nutrition Food Science
Dinh dưỡng và chu kỳ vòng đời				Health Promotion and Professional Practice Across the Lifespan
Khoa học hành vi và văn hóa dinh dưỡng			Nutrition Science Culture and Foods	
Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng trên cộng đồng và trong BV		Dinh dưỡng cộng đồng	Nutritional Assessment	
Quản lý can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng			Public Health Nutrition	
Dinh dưỡng lâm sàng		Dinh dưỡng lâm sàng Quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện	Clinical Nutrition	
Phân tích nguy cơ ATTP		Khoa học TP và ATTP		
	Chính sách y tế: ứng dụng trong			

Trường ĐH YTCC (ThS Dinh dưỡng)		Trường Đại học Y Hà Nội (Thạc sĩ dinh dưỡng)	Atlantic International University (Master of Nutrition) ¹	Oxford Brookes University (MSc in Applied Human Nutrition) ²
Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng			
	lĩnh vực dinh dưỡng			
	Truyền thông chính sách dinh dưỡng			
	Quản lý dự án dinh dưỡng			
Kinh tế dinh dưỡng và thực phẩm*		Kinh tế - dinh dưỡng- thực phẩm*		
Dinh dưỡng và thể thao*		Dinh dưỡng và thể thao*		
Dinh dưỡng, hoạt động thể lực và sức khỏe*			Physical Activity & Wellness Human Physiology	Nutrition, Physical Activity and Health
Dinh dưỡng toàn cầu*				Global Nutrition and Public Health
Quản lý dịch vụ ăn uống*			Whole Foods Production	
Dinh dưỡng học đường*				
Truyền thông giáo dục dinh dưỡng*		Truyền thông giáo dục dinh dưỡng và ATTP		
Trình bày và truy cập thông tin*				
Phân tích số liệu				
Chuyên đề nghiên cứu	Thực tập		Communication & Investigation Organization Theory Experiential Learning Seminar Administrative Development	
Luận văn tốt nghiệp	Đề án tốt nghiệp		Masters Thesis Project/ Master Thesis	Research Project

Trường ĐH YTCC (ThS Dinh dưỡng)		Trường Đại học Y Hà Nội (Thạc sĩ dinh dưỡng)	Atlantic International University (Master of Nutrition) ¹	Oxford Brookes University (MSc in Applied Human Nutrition) ²
		Ngoại ngữ (Anh văn trình độ tương đương B2)		
		Phương pháp giảng dạy đại học*		

Ghi chú: * là các môn tự chọn

¹ Đường link giới thiệu CTĐT: https://www.onlinestudies.com/Master-of-Nutrition/USA/Atlantic-International-University-Masters-Programs/?_gl=1*_69x5sc*_ga*MjA5MzE4NzkzMjY4xNjU5MzQyNTYx*_ga_82TYZBKWSG*MTY1OTM0MjU4NS4xLjAuMTY1OTM0MjU4NS4w

² Đường link giới thiệu CTĐT: <https://www.masterstudies.com/MSc-in-Applied-Human-Nutrition/United-Kingdom/Oxford-Brookes-University/>

5.3. Quy mô đào tạo và kế hoạch đào tạo:

Dự kiến hoàn thiện hồ sơ mở ngành vào 31/12/2022 và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và cho phép đào tạo. CTĐT bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2023-2024 với qui mô 5 năm đầu, mỗi năm tuyển sinh từ 20-25 chỉ tiêu (trong đó mỗi định hướng chiếm 50%) và 5 năm tiếp theo số lượng tuyển sinh từ 30-40 chỉ tiêu (mỗi định hướng chiếm 50%).

Chương trình đào tạo kéo dài 18 tháng chia làm 2 năm học với 4 học kỳ, năm đầu tiên, HV sẽ học các học phần lý thuyết, năm thứ hai HV sẽ thực hiện chuyên đề nghiên cứu và luận văn tốt nghiệp đối với định hướng nghiên cứu hoặc thực tập và đề án tốt nghiệp với định hướng ứng dụng.

Chương trình được xây dựng theo hướng dẫn của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ, cũng như các quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tài liệu đào tạo của Trường Đại học Y tế công cộng.

5.4. Hiệu quả và tác động xã hội

Chương trình đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng tại Trường ĐHYTCC được phê duyệt sẽ có hiệu quả tốt và tác động xã hội tích cực. Như đã phân tích ở phần nhu

cầu đào tạo, hệ thống y tế, đặc biệt là các cơ sở khám chữa bệnh và dự phòng ở tuyến Trung ương và tuyến tỉnh, các tổ chức NGOs và INGOs rất cần một nguồn nhân lực chất lượng cao, được đào tạo đúng chuyên ngành để nghiên cứu và xây dựng, đề xuất và triển khai các chính sách/dự án dinh dưỡng góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bên cạnh đó, nếu các chính sách, chương trình, dự án dinh dưỡng triển khai hiệu quả sẽ góp phần cải thiện giống nòi, phòng ngừa bệnh tật liên quan đến dinh dưỡng, nâng cao hiệu quả điều trị và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

6. Về giải pháp và lộ trình thực hiện

6.1. Lộ trình xây dựng đề án mở ngành và xây dựng chương trình đào tạo

Chủ trương mở ngành Thạc sĩ dinh dưỡng tại Trường Đại học Y tế công cộng đã được Đảng ủy phê duyệt tại Nghị quyết Đảng ủy số 259/NQ-ĐU ngày 20/7/2022. Trên cơ sở đó, đơn vị được phân công chịu trách nhiệm chính là Khoa Sức khỏe Môi trường – Nghề nghiệp (SKMT-NN) và Phòng Quản lý Đào tạo (Phòng QLĐT) đề xuất chủ trương và kế hoạch mở ngành trình Hội đồng Khoa học Đào tạo và Công nghệ tháng 8/2022 và trình Hội đồng Trường tại kỳ họp tháng 9/2022. Trường ban hành quyết định thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo theo Khoản 1 Điều 17 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 07/08/2021 quy định về tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

Tiếp theo đó, Hội đồng xây dựng CTĐT thu thập các dữ liệu về nhu cầu đào tạo, nhu cầu về năng lực của người học sau tốt nghiệp, họp với các bên liên quan để xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung của CTĐT, hoàn thành vào tháng 10/2022 và thông qua Hội đồng thẩm định ngày 18/10/2022.

Song song với đó, các phòng ban liên quan của Trường thực hiện báo cáo rà soát, tự đánh giá và bổ sung các điều kiện đảm bảo chất lượng CTĐT: gồm các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất, TTB phục vụ đào tạo, phòng thực hành, cơ sở thực tập, công tác nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành dinh dưỡng trước 15/11/2022.

Toàn bộ hồ sơ đề án mở ngành và CTĐT được thông qua Hội đồng Khoa học Đào tạo- Công nghệ đã được Hội đồng Khoa học đào tạo và công nghệ của Trường thông qua ngày 29/11/2022 và sẽ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, phê duyệt.

6.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu phục vụ đào tạo

Trường Đại học Y tế công cộng có cơ sở vật chất khang trang và phòng học với các TTB hiện đại đủ triển khai các CTĐT của Trường hiện tại và tương lai. Trường đã triển khai CTĐT cử nhân Y tế công cộng định hướng dinh dưỡng từ 2010 và CTĐT cử nhân dinh dưỡng từ 2017 nên đã đầu tư khá đầy đủ về cơ sở vật chất và

TTB giảng dạy thực hành, gồm 3 phòng thực hành liên quan đến nhân trắc dinh dưỡng, dinh dưỡng tiết chế, phòng thí nghiệm an toàn thực phẩm và Phòng khám đa khoa.

Bên cạnh các phòng thực hành của Trường, Trường cũng ký hợp đồng nguyên tắc với một số cơ sở thực hành ngoài trường (gồm Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế) để học viên triển khai luận văn, đề án tốt nghiệp.

Về học liệu phục vụ đào tạo: Hiện tại Trung tâm thông tin Thư viện của Trường đã có khoảng 100 đầu sách, tạp chí và các tài liệu liên quan đến thực phẩm, dinh dưỡng và ATTP dạng giấy và điện tử. Trên cơ sở đề cương các học phần thuộc CTĐT ThS Dinh dưỡng được xây dựng, Nhà trường rà soát và bổ sung đủ nhu cầu.

Trường đã rà soát lại toàn bộ các phòng thực hành, cơ sở thực hành, trang thiết bị giảng dạy và học liệu đảm bảo đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Trong quá trình triển khai CTĐT (nếu được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt), nhà trường sẽ tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo khác để đáp ứng các yêu cầu phát triển CTĐT.

6.3. Nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo

Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy các học phần thuộc các khối kiến thức trong CTĐT của Trường gồm 1 Phó giáo sư ngành đúng (dinh dưỡng) chủ trì ngành, 2 Phó giáo sư, 9 Tiến sĩ ngành đúng và ngành phù hợp (dinh dưỡng, y tế công cộng, y xã hội học và tổ chức y tế) có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng và 4 giảng viên đúng ngành ThS dinh dưỡng có thể tham gia hướng dẫn thực hành. Bên cạnh đó, trường có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn hiện đang làm việc tại các bệnh viện, viện nghiên cứu sẵn sàng tham gia giảng dạy và hướng dẫn học viên.

Nhà trường đã có qui định về đào tạo thực tế cho các giảng viên, theo đó các giảng viên mỗi năm phải đi thực tế ở cơ sở thực hành tối thiểu 1 tháng, trong thời gian tới, Nhà trường cũng có kế hoạch gắn giảng viên của Trường làm việc kiêm nhiệm tại Phòng tư vấn dinh dưỡng - Phòng khám đa khoa của Trường hoặc các cơ sở khác ngoài trường.

Năm học 2022-2023, Trường sẽ tuyển dụng thêm 01 GV có trình độ tiến sĩ về dinh dưỡng, hiện Trường đang có 01 giảng viên học nghiên cứu sinh ngành dinh dưỡng, dự kiến sẽ tốt nghiệp năm 2024 và năm 2023 cử tiếp 01 giảng viên học nghiên cứu sinh ngành dinh dưỡng để bổ sung nhân lực cho giảng dạy và hướng dẫn học viên.

6.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo

Theo quy định của Trường ĐHYTCC, CTĐT sẽ được lấy ý kiến các bên liên quan, rà soát định kỳ 2 năm/1 lần, các học phần trong CTĐT rà soát định kỳ 1 năm/1 lần và được điều chỉnh theo góp ý của các bên liên quan theo qui định. CTĐT cũng sẽ được kiểm định chất lượng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ngay sau khi có người học tốt nghiệp, Trường sẽ thực hiện tự đánh giá và sau đó sẽ đánh giá ngoài CTĐT, dự kiến năm 2026-2027).

7. Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Trường đã chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để thực hiện CTĐT theo đúng qui định và đảm bảo chất lượng, tuy nhiên trong quá trình triển khai có thể xảy ra một số rủi ro do khách quan.

Có thể rủi ro xảy ra do dịch bệnh khiến việc dạy-học có thể bị ảnh hưởng. Giải pháp khắc phục: trong 2 năm qua, Trường đã có kinh nghiệm ứng phó với dịch COVID-19 trong tổ chức và quản lý đào tạo. Trường đã xây dựng được hệ thống văn bản quản lý, qui định dạy-học trực tuyến, kiểm tra đánh giá trực tuyến; trường cũng đã đầu tư và nâng cấp hệ thống quản lý đào tạo và tổ chức thi/đánh giá người học trực tuyến bằng phần mềm hiện đại (Moodle và Testpro); mời chuyên gia tập huấn và hỗ trợ để có thể áp dụng phương pháp dạy-học kết hợp (Blended learning), đến nay khoảng 80% các học phần của Trường có thể áp dụng được phương pháp này đã xây dựng được chương trình và tài liệu học phần để áp dụng phương pháp này. Vì vậy nếu trong quá trình triển khai đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng nếu có dịch bệnh hoặc các tình huống khẩn cấp ảnh hưởng đến tổ chức đào tạo thì Trường đã sẵn sàng các giải pháp ứng phó để không ảnh hưởng đến kế hoạch và chất lượng đào tạo.

Tình huống rủi ro có thể xảy ra đối với công tác tuyển sinh, không tuyển đủ số chỉ tiêu. Trong 2 năm từ năm 2020 đến nay, Trường đã chú trọng vào công tác quảng bá tuyển sinh tất cả các hệ đào tạo của Trường (từ cử nhân chính quy, vừa làm vừa học và sau đại học). Chính vì vậy, tỷ lệ người học nhập học/chỉ tiêu tuyển sinh cũng đã cải thiện rõ rệt, tỷ lệ nhập học của tất cả các hệ đều đạt >90%. CTĐT Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ được phê duyệt, Trường cũng sẽ có kế hoạch quảng bá tuyển sinh cụ thể để đạt được chỉ tiêu theo kế hoạch đã đặt ra. Tuy nhiên căn cứ trên nhu cầu đào tạo Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ cũng như thực trạng đào tạo Thạc sĩ dinh

duỡng của các cơ sở đào tạo ở Việt Nam hiện nay, xác suất xảy ra rủi ro này là không cao.

Tình huống rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo. Trường luôn xác định tuân thủ nghiêm túc qui chế đào tạo của Bộ GDĐT và Bộ Y tế để đảm bảo chất lượng đào tạo và giữ uy tín cho nhà trường. Trong trường hợp nếu cơ sở đào tạo bị đình chỉ ngành đào tạo thì Trường sẽ xin phép Bộ GDĐT và liên hệ với các cơ sở đào tạo đang đào tạo ngành Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ để gửi học viên hoàn thành khóa học, đảm bảo quyền lợi tối đa cho người học.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Văn Minh